TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HS-ST
Ngày 23-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Lý Văn Vịnh;
2/ Ông Hoàng Minh Hải.
- Thư ký phiên toà: Ông Lý Ngọc Thuyết – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hùng Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân (TAND) huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 47/2018/TLST-HS, ngày 20 tháng 7 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/HSST-QĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị H, sinh năm 1978 tại tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 05/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc V và bà Đỗ Thị B; có chồng Lâm Văn T và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2015; Nhân thân: Tại bản án số 06/2012/HSST ngày 18/7/2012 bị TAND huyện C, tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội "Cướp tài sản", đã được xóa án tích; Tại bản án số 16/2018/HSST ngày 27/3/2018 bị TAND huyện S, tỉnh Đắk Nông xử phạt 08 tháng tù về tội "Đánh bạc", tổng hợp hình phạt với Bản án số 56/2017/HSST ngày 16/11/2017 của TAND Đắk Song, tỉnh Đắk Nông buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 năm 02 tháng tù (bị cáo chưa chấp hành hình phạt).

Tiền án: 01 tiền án về tội "Đánh bạc", tại bản án số 56/2017/HSST ngày 16/11/2017 bị TAND Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc", bị cáo đang hoãn chấp hành hình phạt tù do nuôi con dưới 36 tháng tuổi; bị bắt tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến 10/11/2017, bị cáo tại ngoại - có mặt.

2. Trần Văn T, sinh năm 1969 tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn 9, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 01/10; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con Trần Văn T1 và bà Trần Thị C; có vợ Nguyễn Thị N và 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại - có mặt.

3. Nguyễn Văn L, sinh năm 1987 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 06/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L1 và bà Lê Thị M; có vợ Hoàng Thị H và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2018 đến ngày 04/02/2018; bị cáo tại ngoại - có mặt.

4. Lê Tấn Đ, sinh năm 1992 tại tỉnh Đăk Lăk; Nơi cư trú: Thôn 9, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Q; có vợ Nguyễn Thị V và 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2018 đến ngày 07/02/2018; bị cáo tại ngoại - có mặt.

5. Đặng Văn H1, sinh năm 1973 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Tổ 1, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: nhân viên quản lý bảo vệ rừng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T và bà Nguyễn Thị H (đã chết); có vợ Trần Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2018 đến ngày 07/02/2018; bị cáo tại ngoại - có mặt.

6. Trương Trọng Q, sinh năm 1974 tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Bon J (thôn 7), xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 07/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; Quốc tịch Việt Nam; con ông Trương Trọng T và bà Hồ Thị T; có vợ Phan Thị N và 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2005; Nhân thân: Tại bản án số: 55/2012/HSST ngày 11/9/2012 bị TAND tỉnh Đắk Nông xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 01 tháng 26 ngày, đã được xóa án tích; bị cáo tại ngoại - có mặt.

7. Trần Ngọc B, sinh năm 1986 tại tỉnh Hòa Bình; Nơi cư trú: Bon B, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; Quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Ngọc V và bà Đỗ Thị B; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: 01 tiền án về tội "Đánh bạc", tại bản án số: 56/2017/HSST ngày 16/11/2017 bị TAND Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại - có mặt.

8. Nguyễn Văn K, sinh năm 1989 tại tỉnh Ninh Thuận; Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Văn P và bà Trần Thị D; có vợ Nguyễn Thị T và 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2018 đến ngày 07/02/2018; bị cáo tại ngoại - có mặt.

9. Nguyễn H2 Q1, sinh năm 1989 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Bon Ta Mung, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q (chết) và bà Nguyễn Thị V1; có vợ Nguyễn Thị N và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2018 đến ngày 07/02/2018; bị cáo tại ngoại - có mặt.

10. Trần Tùng H2 (tên gọi khác: R), sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Thôn 7, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Duy P(chết) và bà Tôn Nữ Ngọc T; có vợ Nguyễn Thị N1 và 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại - có mặt.

11. Phan Văn Đ, sinh năm 1991 tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn 8 , xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 07/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Trung Đ và bà Trần Thị N; có vợ Trần Thị D và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại - có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hữu S-vắng mặt.

Trú tại: Thôn 6, xã T, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Anh Vũ Văn C-vắng mặt.

Trú tại: Thôn 8, xã T, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

2. Anh Hoàng Duy T-vắng mặt.

Trú tại: Thôn 6, xã T, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

3. Chị Phan Thị H-vắng mặt.

Trú tại: Thôn 7, xã T, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 31/01/2018, Phạm Văn H, sinh năm 1971, trú tại: thôn 1, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông, Trần Thị H, Lê Tấn Đ, Phan Văn Đ, Trần Ngọc B, Trương Trọng Q, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hải Q1, Đặng Văn H1, Nguyễn Văn K, Trần Văn T, Trần Tùng H2, Nguyễn Hữu S đi đến nhà anh Vũ Văn C, sinh năm 1996, tại thôn 8, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông để dự đám cưới anh C. Sau khi dự tiệc cưới

thì mọi người rủ nhau chơi đánh bạc được thua bằng tiền tại phòng bếp phía sau nhà anh C.

Hình thức đánh bạc là xóc đĩa được thua bằng tiền, cách thức chơi cụ thể như sau: trước khi chơi các đối tượng chuẩn bị 01 chiếc chén sứ, 01 chiếc đĩa và cắt 04 quân vị từ vỏ bao thuốc tây có hai mặt trắng và nâu. Khi chơi có một người cầm cái là người bỏ 04 quân vị vào trong đĩa rồi úp chiếc chén lên rồi xóc, xóc xong đặt xuống để những người chơi còn lại tham gia đặt tiền theo chẵn hoặc lẻ. Khi mở chén lên nếu có 02 hoặc 04 quân vị có cùng mặt trắng hoặc nâu, là chẵn thì người đặt tiền theo chẵn được người cầm cái trả thêm cho số tiền bằng số tiền đã đặt, người đặt theo lẻ thì bị thua hết số tiền đã đặt, và ngược lại khi mở chén lên nếu có 01 hoặc 03 quân vị cùng màu trắng hoặc nâu là lẻ, thì người đặt theo lẻ ăn và người đặt theo chẵn thua hết số tiền đã đặt. Trong quá trình đánh bạc có những lúc người chơi đặt tiền nhiều về một phía mà người cầm cái sợ thua thì người cầm cái sẽ hô "bán chẵn hoặc bán lẻ". Khi đó những người chơi khác có tiền "đứng ra mua" (nhận đánh bạc thay nhà cái trong phần chênh lệch này), lúc này ngoài việc người đánh bạc được thua bằng tiền với người cầm cái còn có những người chơi đánh bạc trực tiếp đánh bạc với người đánh bạc đã "mua chẵn hoặc lẻ". Ngoài ra, Trần Ngọc B còn đặt thêm các quân bài cho các đối tượng khác đặt tiền với cách thức như sau: B sử dụng 04 quân bài trong bộ bài tây 52 lá gồm: 01 lá 3 đen, 01 lá 3 đỏ, 01 lá 4 đen, 01 lá 4 đỏ và đặt ra cho các đối tượng khác tham gia đặt tiền vào vị trí các quân bài. Nếu khi nhà cái mở chén mà có 03 quân vị màu nâu thì người chơi đặt tiền vào quân 3 đen sẽ thắng gấp 3 lần số tiền đã đặt, nếu mở chén có 03 quân vị màu trắng thì người chơi đặt tiền vào quân 3 đỏ sẽ thắng gấp 3 lần số tiền đã đặt. Nếu nhà cái mở chén ra trên đĩa có 04 quân vị cùng màu nâu hoặc trắng thì người chơi đặt tiền vào lá bài 4 đỏ, đen sẽ thắng được gấp 10 lần số tiền đã đặt. Nếu không ra các kết quả trên thì người đặt tiền vào các lá bài 3, 4 sẽ thua tiền hết cho B.

Quá trình chơi bạc được thua bằng tiền, phạm Văn H là người cầm cái, những người chơi đặt tiền ít nhất là 50.000đ và không giới hạn số tiền lớn nhất trong mỗi ván. Bắt đầu chơi đánh bạc, Q1 sử dụng số tiền 90.000đ, quá trình chơi đánh thắng 1.600.000đ khi bị bắt quả tang thu giữ của Q1 số tiền 2.500.000đ; L sử dụng số tiền 1.700.000đ, quá trình chơi thua 200.000đ, khi bị bắt quả tang tạm giữ 1.500.000đ; H1 sử dụng số tiền 1.600.000đ, khi bị bắt quả tang thu giữ của H1 1.600.000đ; K sử dụng số tiền 2.050.000đ, quá trình chơi thua 50.000đ, khi bị bắt thu giữ của K số tiền 2.000.000đ; Đ sử dụng số tiền 2.500.000đ, quá trình chơi thắng 200.000đ, khi bị bắt thu giữ 2.700.000đ; T sử dụng số tiền 300.000đ mà Q1 cho để đánh bạc, quá trình chơi thắng 1.000.000đ, khi bị bắt thu giữ của T số tiền 1.300.000đ; Đ sử dụng số tiền 400.000đ, quá trình chơi thua hết; B sử dụng số tiền 1.800.000đ để đánh bạc, khi bị bắt B bỏ chạy và để lại tiền trên chiếu bạc; H2 sử dụng số tiền 1.000.000đ để đánh bạc, quá trình chơi thua hết; Q sử dụng số tiền 300.000đ, quá trình chơi thua hết; H sử dụng số tiền 1.000.000đ lấy nợ của Q để tham gia đánh bạc, khi bị bắt, H mang theo tiền bỏ chạy; Nguyễn Hữu S sử dụng số tiền 60.000đ để tham gia chơi đánh bạc với

B, quá trình chơi còn lại số tiền 60.000đ. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, lực lượng Công an huyện Đắk Song bắt quả tang, các đối tượng H, T, Q, B, H2, Đ chạy thoát nhưng sau đó đã được Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song triệu tập ra làm việc. Vật chứng thu giữ tại hiện trường gồm số tiền 20.560.000đ, 01 chén, 01 đĩa, 04 quân vị, 04 quân bài.

Tại bản cáo trạng số 45/CTr-VKS, ngày 18 tháng 7 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song (VKSND huyện Đắk Song) đã truy tố các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn T, Nguyễn Văn L, Lê Tấn Đ, Đặng Văn H1, Trương Trọng Q, Trần Ngọc B, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hải Q1, Trần Tùng H2 và Phan Văn Đ về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Đắk Song giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn T, Nguyễn Văn L, Lê Tấn Đ, Đặng Văn H1, Trương Trọng Q, Trần Ngọc B, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hải Q1, Trần Tùng H2 và Phan Văn Đ về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS.

Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn T, Nguyễn Văn L, Lê Tấn Đ, Đặng Văn H1, Trương Trọng Q, Trần Ngọc B, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hải Q1, Trần Tùng H2 và Phan Văn Đ phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt: Trần Thị H từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Áp dụng Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt 01 năm 02 tháng tù tại bản án số 16/2018/HSST ngày 27/3/2018 của TAND huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 01 năm 11 tháng đến 02 năm 02 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt: Trần Ngọc B từ 07 tháng đến 10 tháng tù. Áp dụng khoản 2 Điều 56, khoản 5 Điều 65 BLHS tổng hợp hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án 56/2017/HSST ngày 16/11/2017 của TAND Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là tù có thời hạn với mức án từ 01 năm 01 tháng đến 01 năm 04 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hải Q1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Đặng Văn H1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Lê Tấn Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn K, Trần Tùng H2 mỗi bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng; xử phạt bị cáo Trương Trọng Q từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 08 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Phan Văn Đ từ 20.000.000đ đến 30.000.000đ.

Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 01 chén, 01 đĩa, 04 quân vị, 04 quân bài.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 20.560.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do ham chơi, vì mục đích tư lợi cá nhân nên vào khoảng 23 giờ ngày 31/01/2018 tại nhà của anh Vũ Văn C thuộc thôn 8, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông, các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn T, Nguyễn Văn L, Lê Tấn Đ, Đặng Văn H1, Trương Trọng Q, Trần Ngọc B, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hải Q1, Trần Tùng H2 và Phan Văn Đ đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền với hình thức đánh xóc đĩa, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 20.560.000đ.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn T, Nguyễn Văn L, Lê Tấn Đ, Đặng Văn H1, Trương Trọng Q, Trần Ngọc B, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hải Q1, Trần Tùng H2 và Phan Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của BLHS.

VKSND huyện Đắk Song truy tố các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn T, Nguyễn Văn L, Lê Tấn Đ, Đặng Văn H1, Trương Trọng Q, Trần Ngọc B, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hải Q1,

Trần Tùng H2 và Phan Văn Đ về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 BLHS, là có căn cứ pháp lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 321 BLHS quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ Luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị tại địa phương. Đây cũng là nguyên nhân, tiền đề gây ra các tội phạm khác và làm giảm sút kinh tế gia đình và tác động xấu đến xã hội. Trong vụ án có nhiều bị cáo tham gia, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Các bị cáo đều tham gia với vai trò thực hành tuy nhiên cũng phải xem xét để có mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm tất cả các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo Trương Trọng Q, Trần Văn T, Nguyễn Văn L, Lê Tấn Đ, Đặng Văn H1, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hải Q1, Trần Tùng H2 và Phan Văn Đ đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bố mẹ của các bị cáo Trần Thị H, Trần Ngọc B, Nguyễn Hải Q1 là người có ông với cách mạng; gia đình bị cáo Trần Văn T là hộ cận nghèo. Do đó các bị cáo H, B, Q1, T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Thị H, Trần Ngọc B đã có 01 tiền án về tội "Đánh bạc" lại tiếp tục phạm tội nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[6] Bị cáo Trần Thị H, Trần Ngọc B là người có tiền án, trong thời gian tại ngoại, thời gian thử thách các bị cáo lại tiếp tục đánh bạc, thể hiện sự coi thường pháp luật, nên cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Bên cạnh đó cần áp dụng Điều 56 và khoản 5 Điều 65 BLHS để tổng hợp các bản án đã có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Trần Thị H và Trần Ngọc B, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án mới phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với bị cáo Trương Trọng Q, mặc dù năm 2012 bị TAND tỉnh Đăk Nông xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 01 tháng 26 ngày tuy nhiên tính đến thời điểm phạm tội mới, bị cáo đã chấp hình xong thời gian thử thách án treo và đã thực hiện xong các nghĩa vụ dân sự trong bản án số 55/2012/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2012, đã được xóa án tích. Đối với lần phạm tội này của bị cáo Trương Trọng Q là ít nghiêm trọng, bị cáo chỉ là người thực hành, có vai trò thứ yếu, có nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ hướng dẫn khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng

thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, HĐXX xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo tự học tập cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

Đối với các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn L, Lê Tấn Đ, Đặng Văn H1, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hải Q1, Trần Tùng H2 có nơi cư trú rõ ràng, ổn định; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được tự học tập, cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Bị cáo Phan Văn Đ có điều kiện kinh tế gia đình ổn định, nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa chung. HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 35 BLHS, phạt bị cáo 30.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo K, Q1, H2, T, H, B, Q, H1, L, Đ có hoàn cảnh khó khăn nên không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Phan Văn Đ, do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 20.560.000 đồng là vật chứng mà các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với một 01 chén, 01 đĩa, 04 quân vị, 04 quân bài các bị cáo đã sử dụng làm công cụ để đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với hành vi đánh bạc được thua bằng tiền của Nguyễn Hữu S, quá trình điều tra xác định S chỉ tham gia chơi với B chứ không tham gia chơi với người cầm cái. S dùng số tiền 60.000đ để đặt chơi với B là 1.800.000đ, không đủ định lượng để xử lý hình sự đối với S. Việc công an huyện Đăk Song xử phạt hành chính đối với Nguyễn Hữu S là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với hành vi tham gia đánh bạc của Phạm Văn Hợi, quá trình điều tra, Phạm Văn H đã bỏ trốn, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song đã ra quyết định truy nã và tách hành vi của Phạm Văn H là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Đối với Vũ Văn C, quá trình điều tra xác định khi các bị cáo tham gia đánh bạc tại nhà C thì C đang tiếp khách ở ngoài và không biết việc các bị cáo chơi đánh bạc tại nhà mình. Do đó, cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song không xử lý đối với Vũ Văn C là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với Phan Thị H và Ngô Thị V, quá trình điều tra đã xác định những người này không tham gia đánh bạc tại nhà của anh Vũ Văn C vào ngày 31/01/2018. Do đó cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song không xử lý là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn T, Nguyễn Văn L, Lê Tấn Đ, Đặng Văn H1, Trương Trọng Q, Trần Ngọc B, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hải Q1, Trần Tùng H2 và Phan Văn Đ phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt: Trần Thị H 09 (Chín) tháng tù. Áp dụng Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù tại bản án số 16/2018/HSST ngày 27/3/2018 của TAND huyện S, tỉnh Đắk Nông buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 (Một) năm 11 (Mười một) tháng tù.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 03/11/2017 đến 10/11/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Xử phạt: Trần Ngọc B 07 (Bảy) tháng tù. Áp dụng Điều 56; khoản 5 Điều 65 BLHS, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án 56/2017/HSST ngày 16/11/2017 của TAND huyện S, tỉnh Đắk Nông buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là hình phạt tù có thời hạn của 02 bản án là 01 (Một) năm 01 (Một) tháng tù.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt: Bị cáo Trương Trọng Q 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS, riêng các bị cáo Nguyễn Hải Q1 và Trần Văn T áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt: Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn L, Lê Tấn Đ, Đặng Văn H1, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hải Q1, Trần Tùng H2 mỗi bị cáo 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 BLHS, xử phạt bị cáo Phan Văn Đ 30.000.000đ *(Ba mươi triệu đồng)* sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn L, Trương Trọng Q, Lê Tấn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hải Q1, Trần Tùng H2 cho Uỷ ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đặng Văn H1 cho Uỷ ban nhân dân phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phải trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Văn L, Trương Trọng Q, Lê Tấn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hải Q1, Trần Tùng H2, Đặng Văn H1 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Tịch thu số tiền 20.560.000đ *(Hai mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)* để sung quỹ Nhà nước. Tịch thu tiêu hủy 01 chén, 01 đĩa, 04 quân vị, 04 quân bài.

(Đặc điểm vật chứng và số tiền như biên bản giao nhận giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện S và Chi cục THADS huyện S ngày 15/5/2018).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc các bị cáo Trần Thị H, Trần Văn T, Nguyễn Văn L, Lê Tấn Đ, Đặng Văn H1, Trương Trọng Q, Trần Ngọc B, Nguyễn Văn K, Nguyễn Hải Q1, Trần Tùng H2 và Phan Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Thị Hải Âu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV27 CA. tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS H. Đắk Song;
- UBND xã T;
- UBND phường N, TX. G, tỉnh Đăk Nông;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.